| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1045/2018/DS-PT
Ngày: 15/11/2018
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Minh Quang

2. Bà Trần Thị Kim Quy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Kiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 390/2018/TLPT-DS ngày 21/8/2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/DS-ST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4210/2018/QĐPT-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8481/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông Trần Văn T**,** sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 48 A, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Như L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số 120/29/5A2 T, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn*:

1. Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 342/14 khu phố S, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang bị giam tại K, Trại giam Z, huyện H, tỉnh B.

2 Bà Vũ Thị M, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 37 N, Phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 3 Đường S, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người làm chứng:*

1. Ông Huỳnh Bảo A (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 7/8A L, ấp B, xã Đ, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đỗ Thùy B (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 17/33 T, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Nguyên trước đây khi đang là nhân viên Ngân hàng HB chi nhánh Đông Sài Gòn ông có quen biết với khách hàng là bà Vũ Thị M. Bà M có đề nghị ông giới thiệu khách cần tiền vay để bà cho vay lại với lãi suất cao hơn. Ông giới thiệu cho bà M gặp gỡ ông Phạm Ngọc S, từ đó giữa bà M và ông S qua lại làm ăn với nhau.

Sau một thời gian bà M cho ông S vay tổng cộng 4.900.000.000 đồng và đột ngột đòi lại nên ông S dùng khoản nợ của ông Huỳnh Bảo A (là người có nợ ông S) là quyền sử dụng đất tại 7/38 ấp B, xã Đ, huyện N chuyển nhượng cho bà M để trừ bớt số nợ 1.200.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng xong, bà M tiếp tục yêu cầu ông S trả khoản nợ 3.700.000.000 đồng còn lại, ông S phải dùng tài sản của người quen là nhà đất số 1108 L, ấp B, xã Đ huyện N (giá 4.300.000.000 đồng) và thửa đất 699 tờ bản đồ số 3, xã T, huyện C (giá 200.000.000 đồng) để trả cho bà M. Vào thời điểm này, bà M tin tưởng ông nên nhờ ông đứng tên dùm các bất động sản, đợi đến khi ông S trả hết nợ cho bà M thì ông chuyển trả lại tài sản cho ông S. Thực tế sau khi đứng tên ông đã chuyển nhượng nhà đất số 1108 L, ấp B, xã Đ huyện N cho Phạm Thị Huyền C (là vợ ông S) và chuyển trả thửa đất 699 tờ bản đồ số 3 xã T, huyện C cho ông Phạm Ngọc S theo yêu cầu của bà M.

Tuy nhiên, sau khi đã thực hiện các việc cấn trừ nợ trên thì bà M tiếp tục đòi nợ ông S, nhưng ông S không hợp tác. Từ đó, bà M chuyển sang thúc giục, quấy nhiễu, đe dọa khủng bố tinh thần ông, lên cơ quan ông để đòi nợ gây áp lực về mặt tinh thần, danh dự và uy tín của ông. Do không chịu nổi áp lực từ bà M, nên ngày 23/3/2013 tại quán cà phê R đường T Quận H, ông đã viết Giấy cam kết có nội dung xác nhận việc vay tiền bà M tổng cộng 4.900.000.000 đồng, đồng thời bà M cũng yêu cầu ông S viết giấy nợ lại ông 4.900.000.000 đồng có chữ ký làm chứng của bà M. Sau đó bà M đã hủy các giấy nợ mà trước đó ông S viết cho bà M.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án hủy bỏ Giấy cam kết ngày 23/3/2013 giữa ông và bà M và Giấy vay tiền ngày 23/3/2013 giữa ông và ông S vì vô hiệu do giả tạo.

- Phía bị đơn bà Vũ Thị M - do ông Nguyễn Thế N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Vũ Thị M không đồng ý yêu cầu hủy Giấy cam kết ngày 23/3/2013 vì cho rằng sự việc ông T vay bà M 4.900.000.000 đồng là có thật. Tại đơn phản tố ngày 05/11/2014 bà M yêu cầu ông T phải trả số tiền 3.700.000.000 đồng do bà đã nhận được 1.200.000.000 đồng từ tài sản của ông Huỳnh Bảo A.

- Phía bị đơn – ông Phạm Ngọc S trình bày:

Tại bản tự khai ngày 02/4/2014, đơn xin vắng mặt tại Tòa ngày 08/5/2014 ông S cho biết: Ông T là người giới thiệu ông S với bà M. Thực chất số nợ 4.900.000.000 đồng là do ông nợ bà M từ các quan hệ làm ăn với nhau, còn việc ông ký giấy nợ cho ông T 4.900.000.000 đồng vào ngày 23/3/2013 cũng không có thật, do bà M muốn chuyển số nợ từ ông sang ông T nên bà M đã xóa các giấy nợ cho ông. Ông đồng ý hủy Giấy vay tiền ngày 23/3/2013 giữa ông và ông T.

- Người làm chứng bà Đỗ Thùy B trình bày:

Ngày 23/3/2013 theo yêu cầu của bà M, bà B đến quán cà phê R trên đường T, Quận H để làm chứng cho việc ông Phạm Ngọc S làm giấy nợ cho ông Trần Văn T và ông Trần Văn T làm giấy nợ cho bà Vũ Thị M. Ông S nói bà M phải viết giấy xóa nợ cho ông S thì ông S mới viết giấy nợ cho ông T; cả hai tờ giấy nợ có cùng ngày, cùng nội dung, cùng thời hạn thanh toán, chỉ khác đối tượng nhận nợ. Sau đó ông S ra về trước, bà M đề nghị về nhà lấy 3 giấy nợ của ông S để đưa cho T nhưng ông T từ chối nói để hôm khác đưa cũng được. Ngoài ra, bà B không trình bày gì thêm và xin vắng mặt toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Người làm chứng ông Huỳnh Bảo A trình bày:

Ông A khẳng định không quen biết bà M. Tuy nhiên, do ông A có vay ông S nhiều khoản tiền trong quá trình làm ăn chung, nên theo yêu cầu của ông S, ông đã dùng tài sản của mình là nhà đất số 7/38 ấp B, xã Đ, huyện N để chuyển nhượng cho bà M. Sau khi chuyển nhượng xong ông xin chuộc lại thì bà M yêu cầu đưa 1.500.000.000 đồng, ông năn nỉ và được bà M chấp nhận với giá 1.450.000.000 đồng, từ đó giữa ông và bà M không liên quan với nhau nữa. Ông xin vắng mặt toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2018/DS-ST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T:

- Hủy Giấy cam kết ngày 23/3/2013 giữa ông Trần Văn T với bà Vũ Thị M do vô hiệu.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Trần Văn T với ông Phạm Ngọc S hủy Giấy vay tiền ngày 23/3/2013 do vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị M đòi ông Trần Văn T phải trả số tiền 3.700.000.000 đồng theo Giấy cam kết ngày 23/3/2013.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, bà Vũ Thị M có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Vũ Thị M không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Trần Văn T có người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Như L đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Vũ Thị M có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thế N không đồng ý hủy giấy cam kết ngày 23/3/2013 và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bà, buộc ông Trần Văn T phải trả cho bà số tiền còn lại là 3.700.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy bà Vũ Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Trần Văn T có vay tiền của bà, và cũng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Phạm Ngọc S thừa nhận ông là người vay tiền của bà M, việc các bên viết giấy cam kết là do bà M ép buộc khi ông không còn khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Ngọc S, vì vậy cần đình chỉ yêu cầu này. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ mà ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông T và ông S là không đúng.

Xét bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị M, sửa một phần bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến tranh luận và ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào bản tự khai của ông Phạm Ngọc S có trong hồ sơ (BL 212) thể hiện toàn bộ khoản vay là do ông trực tiếp vay của bà M, do thấy ông S khó khăn trong việc trả nợ, nên bà M chuyển qua làm áp lực với ông T, buộc ông T viết giấy cam kết ngày 23/3/2013 với ba khoản vay từ ngày 08/01/2013 đến ngày 14/01/2013 với số tiền là 4.900.000.000 đồng, thực chất là ông T không có vay mượn tiền của bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 23/3/2013, giữa ông T và bà M, giữa ông S với ông T lập giấy cam kết cùng nội dung về số nợ và phương thức trả nợ, chỉ khác nhau về chủ thể cho vay và người vay như án sơ thẩm đã nhận định. Như vậy, cần xét đâu là người vay và người cho vay thực sự, thấy rằng qua các bản tự khai ông S đều xác nhận ông chính là người vay tiền của bà M chứ không phải ông T.

Bà M cho rằng bà cho ông Trần Văn T vay ba lần tiền từ ngày 08/01/2013 đến ngày 14/01/2013 với số tiền là 4.900.000.000 đồng. Ngày 23/3/2013, bà và ông T thỏa thuận lại bằng giấy cam kết và ông T hứa sẽ trả hết nợ cho bà vào ngày 30/5/2013. Tuy nhiên, ông T chỉ mới trả cho bà được 1.200.000.000 đồng, còn 3.700.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả, nhưng người giao 1.200.000.000 đồng cho bà M là ông Huỳnh Bảo A lại khẳng định không có việc ông vay tiền của ông T, ông chỉ vay tiền của ông S, và theo yêu cầu của ông S, ông đã chuyển trả 1.200.000.000 đồng cho bà M để cấn trừ nợ cho ông S. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định ông S là người trực tiếp vay và nhận tiền của bà M chứ không phải ông T.

Xét, bà M kháng cáo yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền còn lại là 3.700.000.000 đồng, nhưng chỉ căn cứ vào tờ giấy cam kết ngày 23/3/2013, ngoài ra không cung cấp được chứng nào khác để chứng minh được việc ông T là người trực tiếp vay và nhận tiền từ bà, nên không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Ngọc S, nhưng tòa sơ thẩm không đình chỉ mà ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông T và ông S là không đúng, nên cần sửa án sơ thẩm về phần này.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

## QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị M.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Áp dụng các Điều 127, 129, 136 Bộ luật dân sự 2005;

- Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T:

1.1 Hủy Giấy cam kết ngày 23/3/2013 giữa ông Trần Văn T với bà Vũ Thị M do vô hiệu.

1.2 Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông Phạm Ngọc S về việc hủy Giấy vay tiền ngày 23/3/2013 do vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị M đòi ông Trần Văn T phải trả số tiền 3.700.000.000 đồng theo Giấy cam kết ngày 23/3/2013.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn T không phải chịu. Hoàn trả cho ông Trần Văn T 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AG/2011/00167 ngày 03/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Vũ Thị M phải chịu án phí 106.200.000 đồng, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 53.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số AG/2011/00877 ngày 10.11.2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bà M còn phải nộp 53.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ông Phạm Ngọc S không phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Vũ Thị M phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0033123 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND huyện N;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thảo**